

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 20
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Tên giao dịch của Công ty là: Hapaco Group Joint stock Company. Tên viết tắt là: Tập đoàn Hapaco.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: in giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ đăng ký theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009 của Tập đoàn là: 500.002.510.000 VND (Năm trăm tỷ hai triệu năm trăm mười nghìn đồng), tương đương 50.000.251 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hapaco tại Hà Nội	Số 462 - Minh Khai - Hà Nội
- Nhà máy giấy Hải Phòng	Đại Bản - An Dương - Hải Phòng

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO
Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Số 114 - Lê Duẩn - Kiến An - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần HAP - REE	
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông: Vũ Xuân Thủy	Thành viên
Ông: Vũ Xuân Thịnh	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Bà: Phạm Thị Nguyệt	Thành viên
Ông: Bùi Đức Thống	Thành viên
Ông: Nguyễn Đức Hậu	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đồng Trụ	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 15/10/2009)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Vũ Dương Hiền

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được lập ngày 24 tháng 02 năm 2010, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề:

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, do không có cơ sở đáng tin cậy về giá trị thị trường, Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với mã chứng khoán Vosco mà Công ty đang nắm giữ với giá gốc là 967.000.000 đồng.

Trong năm 2009, Công ty chưa lập biên bản bàn giao đối với các tài sản điều chuyển sang Công ty Cổ phần H.P.P.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Phạm Xuân Thái

Chứng chỉ KTV số: 1230/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		87.096.788.752	150.996.444.797
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.060.130.939	3.882.870.589
111	1 Tiền		3.060.130.939	3.882.870.589
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	39.705.840.053	43.956.378.853
121	1 Đầu tư ngắn hạn		41.824.478.053	46.624.478.053
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.118.638.000)	(2.668.099.200)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		30.033.940.975	42.721.854.660
131	1 Phải thu của khách hàng		3.090.226.042	11.128.736.240
132	2 Trả trước cho người bán		5.950.697.121	5.565.509.176
135	3 Các khoản phải thu khác	5	20.993.017.812	26.027.609.244
140	IV Hàng tồn kho		11.809.595.201	55.944.612.316
141	1 Hàng tồn kho	6	11.809.595.201	67.438.145.421
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(11.493.533.105)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		2.487.281.584	4.490.728.379
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	309.539.274
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		1.326.369.682	1.877.571.711
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	78.327.568
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		1.159.416.926	2.225.289.826
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		468.630.279.496	357.502.620.019
220	II Tài sản cố định		40.882.403.627	151.811.594.803
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	200.000.000	124.378.162.040
222	- Nguyên giá		200.000.000	147.649.429.232
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(23.271.267.192)
227	2 Tài sản cố định vô hình	8	-	6.595.837.807
228	- Nguyên giá		-	7.132.094.928
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	(536.257.121)
230	3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	40.682.403.627	20.837.594.956
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	410.432.759.930	184.875.994.946
251	1 Đầu tư vào công ty con		365.168.236.187	176.852.925.039
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		56.355.005.000	55.486.391.020
258	3 Đầu tư dài hạn khác		25.624.251.523	25.624.251.523
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(36.714.732.780)	(73.087.572.636)
260	V Tài sản dài hạn khác		17.315.115.939	20.815.030.270
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	11	17.315.115.939	20.815.030.270
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		555.727.068.248	508.499.064.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		131.644.915.385	107.710.426.554
310	I Nợ ngắn hạn		128.852.890.380	95.904.977.549
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	11.903.223.848	24.442.980.566
312	2 Phải trả người bán		1.277.568.547	17.278.563.019
313	3 Người mua trả tiền trước		2.129.328.333	4.437.662.724
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	781.370.728	781.683.634
315	5 Phải trả người lao động		171.000	301.127.600
316	6 Chi phí phải trả	14	194.193.548	1.527.148.900
319	7 Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	95.156.325.060	33.227.786.012
320	8 Dự phòng phải trả ngắn hạn		17.410.709.316	13.908.025.094
330	II Nợ dài hạn		2.792.025.005	11.805.449.005
334	1 Vay và nợ dài hạn	16	2.395.123.500	11.408.547.500
336	2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		396.901.505	396.901.505
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		424.082.152.863	400.788.638.262
410	I Vốn chủ sở hữu	17	424.909.552.831	400.482.678.230
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		186.516.780.000	169.718.410.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		247.782.548.671	264.580.918.671
414	3 Cổ phiếu quỹ (*)		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
416	4 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(545.604.588)	-
417	5 Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	6 Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
420	7 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(53.073.022.916)	(78.045.502.105)
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		(827.399.968)	305.960.032
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(827.399.968)	305.960.032
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		555.727.068.248	508.499.064.816

Trưởng phòng TCKT

Phạm Văn Phú

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc

Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	61.080.906.863	209.417.231.113
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		178.448.647	978.138.210
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.902.458.216	208.439.092.903
11	4 Giá vốn hàng bán	19	60.763.896.138	194.997.385.636
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.562.078	13.441.707.267
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.041.597.187	7.317.429.315
22	7 Chi phí tài chính	21	(29.293.321.827)	83.804.095.383
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.043.151.291	3.996.568.654
24	8 Chi phí bán hàng		415.162.406	5.158.671.552
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.324.908.857	16.021.352.586
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		24.733.409.829	(84.224.982.939)
31	11 Thu nhập khác		908.792.993	12.087.229.863
32	12 Chi phí khác		670.036.539	5.920.059.029
40	13 Lợi nhuận khác		238.756.454	6.167.170.834
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.972.166.283	(78.057.812.105)
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.972.166.283	(78.057.812.105)

Trưởng phòng TCKT

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010
Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		24.972.166.283	(78.057.812.105)
	2 Điều chỉnh cho các khoản		(42.352.799.334)	87.812.296.216
02	Khấu hao tài sản cố định		1.907.799.664	11.349.424.484
03	Các khoản dự phòng		(44.913.149.939)	79.165.564.968
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(70.621.500)	248.867.900
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.319.978.850)	(6.948.129.790)
06	Chi phí lãi vay		3.043.151.291	3.996.568.654
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.380.633.051)	9.754.484.111
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		15.306.423.785	55.883.803.798
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		55.628.550.220	(44.684.730.740)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		42.863.391.779	42.853.028.276
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		3.807.958.629	1.405.432.280
13	Tiền lãi vay đã trả		(3.921.557.743)	(4.078.968.654)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.119.767.481)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.699.343.713)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		93.604.789.906	58.013.281.590
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(19.844.808.671)	(15.024.258.357)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(14.000.000.000)	-
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.800.000.000	14.500.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(60.134.115.965)	(68.372.951.094)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.391.020	233.467.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.319.978.850	6.948.129.790
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(72.842.554.766)	(61.715.612.661)

III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	(4.200.950.000)	
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	29.933.958.195	33.179.296.596	
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay	(51.487.138.913)	(29.547.720.123)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(21.553.180.718)	(569.373.527)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(790.945.578)	(4.271.704.598)	
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3.882.870.589	8.154.575.187	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(31.794.072)	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.060.130.939	3.882.870.589

Trưởng phòng TCKT

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010
Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Tầng 5+6 tòa nhà Khánh Hội, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hapaco tại Hà Nội	Số 462 - Minh Khai - Hà Nội
- Nhà máy giấy Hải Phòng	Đại Bản - An Dương - Hải Phòng

Các công ty con:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu ⁽¹⁾	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn ⁽²⁾	Số 638 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc ⁽³⁾	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà ⁽⁴⁾	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P ⁽⁵⁾	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông ⁽⁶⁾	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco ⁽⁷⁾	Số 114 - Lê Duẩn - Kiến An - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng ⁽⁸⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco ⁽⁹⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng ⁽¹⁰⁾	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần HAP - REE ⁽¹¹⁾	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Công ty CP Khu Công nghiệp Hải Phòng ⁽¹²⁾	Số 135 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

⁽¹⁾ Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu được đổi tên từ Công ty Cổ phần Giấy Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 11 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất, kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy, sản phẩm chế biến từ lâm sản, sản phẩm bao bì, nhựa, gỗ, vải giả da, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu; Kinh doanh thiết bị, vật tư, máy móc, nguyên liệu, hóa chất thông thường; In ấn: in vàng mã xuất khẩu.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.894.800.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 441A Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(2) Công ty cổ phần Hapaco Yên Sơn được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11 tháng 06 năm 2001, cấp lại lần thứ 3 ngày 27 tháng 04 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Số vốn điều lệ của Công ty là 37.300.000.000 đồng. Công ty có trụ sở chính tại số nhà 638, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03 tháng 07 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cỏi và vật liệu tẽt bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 18, quốc lộ 15A, xã Vạn Mai, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

(4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18 tháng 10 năm 2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Cụm Công nghiệp Nam Quang, xã Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

(5) Công ty cổ phần Hapaco H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại Km 17 Quốc lộ 5, thôn Tiên Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(6) Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19 tháng 06 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 441A, đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

(7) Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002627 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng dệt may, khăn ăn, khăn tắm, khăn rửa mặt; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, hóa chất thông thường, thiết bị ngành dệt may; Kinh doanh bất động sản, xây dựng, thương mại dịch vụ và du lịch; Kinh doanh trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ cho thuê; Kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường thủy, đường bộ.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 114 đường Lê Duẩn, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

⁽⁸⁾ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

⁽⁹⁾ Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000405 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 10 năm 2007, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Các hoạt động trợ giúp cho trung gian tài chính; Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính; Hoạt động tư vấn đầu tư; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại số 135 đường Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

⁽¹⁰⁾ Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

Trụ sở chính Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Khái quát chung về Công ty liên kết của Công ty:

⁽¹¹⁾ Công ty Cổ phần H.A.P - R.E.E được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 26 tháng 01 năm 2008.

Số vốn cam kết góp theo điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 135 Điện Biên Phủ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

⁽¹²⁾ Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05 tháng 03 năm 2008, cấp lại lần 1 ngày 18 tháng 11 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng. Trụ sở chính của Công ty tại tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3c Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại, đầu tư tài chính.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: in giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 -10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong kỳ là 0%

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Lợi thế thương mại
- Chi phí thuê nhà
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính nợ kỳ này và khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	Năm 2009	Năm 2008
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được đề số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phân loại rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Năm 2009, Công ty thực hiện chuyển lỗ lũy kế của năm 2008 là 21.001.740.195 đồng khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của năm 2009. Số lỗ lũy kế chưa chuyển đến 31/12/2009 là 47.871.644.447 đồng sẽ được Công ty thực hiện chuyển lỗ vào các năm tài chính tiếp theo.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	120.428.341	413.410.088
Tiền gửi ngân hàng	2.939.702.598	3.469.460.501
	3.060.130.939	3.882.870.589

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	4.143.200.000	4.143.200.000
Đầu tư ngắn hạn khác	37.681.278.053	42.481.278.053
- Cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán HP vay	30.327.500.000	31.127.500.000
- Cho Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng vay	7.353.778.053	11.353.778.053
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.118.638.000)	(2.668.099.200)
	39.705.840.053	43.956.378.853

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn gồm:

Đơn vị tính: VND

Mã chứng khoán	Giá gốc tại 31/12/2009	Giá trị thị trường 31/12/2009	Số trích lập dự phòng
Cổ phiếu niêm yết			
- TYA	676.200.000	133.812.000	542.388.000
- FPT	1.126.000.000	414.750.000	711.250.000
- PRUBF1	348.000.000	177.000.000	171.000.000
- AGF	1.026.000.000	332.000.000	694.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết			
- VOSCO ⁽¹⁾	967.000.000	967.000.000	-
Tổng	4.143.200.000	1.057.562.000	2.118.638.000

⁽¹⁾ Tại thời điểm 31/12/2009, do không có cơ sở đáng tin cậy về giá trị thị trường, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với mã chứng khoán Vosco mà công ty đang nắm giữ.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	42.497.508	-
Phải thu khác	20.950.520.304	26.027.609.244
- Phải thu ông Hoàng Văn Vịnh	9.671.329.432	9.671.329.432
- Công ty điện máy Hải Phòng	5.075.185.099	4.613.804.635
- Công ty Cổ phần Hải Hà	-	3.434.079.932
- Công ty TNHH Đầu tư Tài Chính HP	-	1.188.164.525
- Công ty Cổ phần TM và DV Hải Phòng	1.390.611.759	1.390.611.759
- Phụ cấp phải thu hội đồng quản trị tập đoàn	3.129.446.300	2.786.616.800
- Các khoản phải thu khác	1.683.947.714	2.943.002.161
	20.993.017.812	26.027.609.244

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	142.220.000
Nguyên liệu, vật liệu	-	12.757.776.248
Công cụ, dụng cụ	-	196.786.489
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	788.814.345
Thành phẩm	-	39.085.209.943
Hàng hoá	11.809.595.201	13.319.163.396
Hàng gửi đi bán	-	1.148.175.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11.809.595.201	67.438.145.421

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	47.178.554.410	93.521.172.788	6.273.727.979	675.974.055	147.649.429.232
2. Số tăng trong năm	-	-	200.000.000	-	200.000.000
- Nhận lại tài sản từ góp vốn ⁽¹⁾	-	-	200.000.000 (*)	-	200.000.000
3. Số giảm trong năm	47.178.554.410	93.521.172.788	6.273.727.979	675.974.055	147.649.429.232
- Giảm do góp vốn ⁽²⁾	47.178.554.410	93.521.172.788	6.273.727.979	675.974.055	147.649.429.232
4. Số dư cuối năm	-	-	200.000.000	-	200.000.000
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	9.022.844.272	12.545.241.237	1.414.813.019	288.368.664	23.271.267.192
2. Số tăng trong năm	550.242.174	1.092.944.712	166.824.004	38.204.648	1.848.215.538
- Trích khấu hao	550.242.174	1.092.944.712	166.824.004	38.204.648	1.848.215.538
3. Số giảm trong năm	9.573.086.446	13.638.185.949	1.581.637.023	326.573.312	25.119.482.730
- Giảm do góp vốn ⁽²⁾	9.573.086.446	13.638.185.949	1.581.637.023	326.573.312	25.119.482.730
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu năm	38.155.710.138	80.975.931.551	4.858.914.960	387.605.391	124.378.162.040
2. Cuối năm	-	-	200.000.000	-	200.000.000

⁽¹⁾ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco nhận lại xe ô tô Suzuki với giá trị còn lại là 200 triệu đồng từ công ty Cổ phần Hải Hà vào ngày 31/12/2009.

⁽²⁾ Giảm Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đối với các TSCĐ mang đi góp vốn vào Công ty Cổ phần HPP và Công ty Cổ phần Phương Đông

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	5.845.229.650	26.000.000	1.260.865.278	7.132.094.928
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	5.845.229.650	26.000.000	1.260.865.278	7.132.094.928
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	438.392.226	3.300.000	94.564.895	536.257.121
2. Số tăng trong năm	48.710.247	366.667	10.507.212	59.584.126
- Trích khấu hao	48.710.247	366.667	10.507.212	59.584.126
3. Số giảm trong năm	487.102.473	3.666.667	105.072.107	595.841.247
- Giảm do góp vốn	487.102.473	3.666.667	105.072.107	595.841.247
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	5.406.837.424	22.700.000	1.166.300.383	6.595.837.807
2. Cuối năm	-	-	-	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	40.682.403.627	20.837.594.956
- Dự án nhà máy lọc dầu tại Đình Vũ	15.267.268.061	15.168.387.315
- Dự án nhà máy giấy Hải Hà	3.116.844.595	3.049.200.000
- Dự án khu công nghiệp Trảng Cát	5.050.782.919	2.050.782.919
- Dự án bệnh viện Phụ sản	17.135.788.052	557.504.722
- Dự án Điện Phiêng Cồn	100.000.000	-
- Các dự án khác	11.720.000	11.720.000
	40.682.403.627	20.837.594.956

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	365.168.236.187	176.852.925.039
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	6.774.500.000	6.774.500.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	10.541.656.000	6.841.656.000
- Công ty CP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	22.250.000.000	8.250.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	21.000.000.000	21.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	24.462.914.000	20.462.914.000
- Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	5.523.855.039	5.523.855.039
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	10.984.455.931	-
- Công ty Cổ phần HPP	155.630.855.217	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	56.355.005.000	55.486.391.020
- Công ty Cổ phần HAP-REE	1.470.000.000	1.470.000.000
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng	54.885.005.000	54.000.000.000
- Lâm trường Văn Bàn	-	16.391.020
Đầu tư dài hạn khác	25.624.251.523	25.624.251.523
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
- Công ty Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(36.714.732.780)	(73.087.572.636)
	410.432.759.930	184.875.994.946

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	Hải Phòng	52,54%	52,54%	Sản xuất giấy, kinh doanh vật tư, thiết bị
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	Yên Bái	86,65%	86,65%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	89,00%	89,00%	Quản lý, đầu tư chứng khoán
Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Đầu tư chứng khoán
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh, XNK hàng dệt may
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ
Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	61,54%	61,54%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng, sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100,00%	100,00%	Sản xuất giấy

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần HAP-REE	Hải Phòng	49,00%	49,00%	Xây dựng; kinh doanh máy móc, thiết bị
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	30,00%	30,00%	Khai thác cát, đá, sỏi; Kinh doanh xăng dầu, khách sạn

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Số lỗ lũy kế đến 31/12/2009	Tỷ lệ vốn góp	Số lập dự phòng trên số vốn góp
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco ⁽¹⁾	38.410.709.316	100,00%	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng	12.042.751.072	89,00%	10.718.048.454
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	1.804.341.191	99,84%	1.801.454.245
Công ty Cổ phần HPP	3.195.230.081	100,00%	3.195.230.081
Tổng cộng			36.714.732.780

⁽¹⁾ Số dự phòng trích lập căn cứ trên số lỗ lũy kế đến 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco là 38.410.709.316 đồng, số vốn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco đầu tư vào công ty Cổ phần Dệt may Hapaco là 21 tỷ đồng, phần chênh lệch 17.410.709.316 đồng chuyển sang khoản dự phòng phải trả.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Lợi thế thương mại khi mua công ty Dệt Hải Phòng (*)	17.315.115.939	19.788.703.923
Chi phí thuê văn phòng	-	492.629.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	533.696.947
	17.315.115.939	20.815.030.270

(*) Khoản lợi thế thương mại khi mua Công ty Dệt Hải Phòng (sau đổi tên thành Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco) với tổng số tiền 24.735.879.000 đồng phát sinh từ năm 2006 và được phân bổ cho 10 năm tài chính. Giá trị phân bổ cho năm tài chính 2009 (năm thứ 3) là 2.473.587.987 đồng. Giá trị còn phải phân bổ đến 31/12/2009 là 17.315.115.939 đồng.

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.246.329.848	15.190.062.566
- <i>Vay ngân hàng</i>	2.246.329.848	15.190.062.566
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	9.656.894.000	9.252.918.000
- <i>Ngân hàng NN và PTNT Hải Phòng</i>	9.580.494.000	9.065.718.000
- <i>Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín</i>	76.400.000	187.200.000
	11.903.223.848	24.442.980.566

Các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND
Phương thức

Hợp đồng	Lãi suất (% tháng)	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc	Phương thức bảo đảm
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	1,1%	3 tháng	3.000.000.000	2.000.000.000	Thế chấp bằng tài sản
NH Nông nghiệp PTNT Hải Phòng				246.329.848	
Cộng			3.000.000.000	2.246.329.848	

Tài sản thế chấp là vàng, ngoại tệ, tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	423.404.470	423.717.376
Thuế Thu nhập cá nhân	30.090.000	30.090.000
Các loại thuế khác	327.876.258	327.876.258
	781.370.728	781.683.634

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	14.193.548	892.600.000
Chi phí tiền điện, nước, chi phí vận chuyển	-	48.066.000
Trích trước chi phí tiền ăn ca, tiền lương	-	586.482.900
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2009	180.000.000	-
	194.193.548	1.527.148.900

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	25.086.619	67.310.118
Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.131.238.441	33.160.475.894
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	17.685.200.000	15.650.000.000
- Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	14.863.697.930	14.613.569.345
- Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông	17.972.516.307	-
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco	14.938.859.914	-
- Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	12.771.164.476	-
- Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	1.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần HPP	2.581.239.602	-
- Công ty XNK và XD Bạch Đằng	817.093.500	-
- Phải trả công ty CP HPP do bàn giao nhà máy giấy HP	11.556.904.488	-
- Khoản phải trả khác của chi nhánh Hapaco tại Hà Nội	644.562.224	2.896.906.549
	95.156.325.060	33.227.786.012

16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn	2.395.123.500	11.408.547.500
- Vay ngân hàng	2.395.123.500	11.408.547.500
	2.395.123.500	11.408.547.500

Các khoản vay dài hạn

Hợp đồng	Lãi suất (% năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc	Số nợ gốc phải trả kỳ tới	Phương thức bảo đảm
03.07.015/HĐTD NH NN & PTNT TP Hải Phòng	5%	84 tháng	11.975.617.500	9.580.494.000	Thế chấp bằng tài sản
Cộng			11.975.617.500	9.580.494.000	

Theo hợp đồng tín dụng số 03.07.015/HĐTD ngày 28 tháng 05 năm 2003, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền trên đất tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	147.794.720.000	264.580.918.671	(369.840.000)	-	2.685.099.801	861.257.732	70.856.069.131	486.408.225.335
Tăng vốn trong năm trước	21.923.690.000	-	-	-	-	-	-	21.923.690.000
Tăng khác	-	-	(4.200.950.000)	-	41.586.499.131	3.666.785.000	-	41.052.334.131
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	78.057.812.105	78.057.812.105
Chia cổ tức và trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	70.843.759.131	70.843.759.131
Số dư cuối năm trước	169.718.410.000	264.580.918.671	(4.570.790.000)	-	44.271.598.932	4.528.042.732	(78.045.502.105)	400.482.678.230
Tăng vốn trong năm nay	16.798.370.000	-	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	24.972.166.283	24.972.166.283
Tăng khác	-	-	-	(545.604.588)	-	-	312.906	(545.291.682)
Giảm vốn trong năm nay	-	16.798.370.000	-	-	-	-	-	16.798.370.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	186.516.780.000	247.782.548.671	(4.570.790.000)	(545.604.588)	44.271.598.932	4.528.042.732	(53.073.022.916)	424.909.552.831

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	186.516.780.000	169.718.410.000
- Vốn góp đầu năm	169.718.410.000	147.794.720.000
- Vốn góp tăng trong năm (cổ phiếu thưởng)	16.798.370.000	21.923.690.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	186.516.780.000	169.718.410.000

c) Cổ phiếu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.651.678	16.971.841
- Cổ phiếu phổ thông	18.651.678	16.971.841
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- Cổ phiếu phổ thông	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.496.208	16.816.371
- Cổ phiếu phổ thông	18.496.208	16.816.371
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732
	48.799.641.664	48.799.641.664

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	61.080.906.863	209.417.231.113
	61.080.906.863	209.417.231.113

Doanh thu năm 2009 chủ yếu là Doanh thu phát sinh từ hoạt động sản xuất của Nhà máy giấy Hải Phòng và hoạt động thương mại của Chi nhánh Hapaco tại Hà Nội từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2009 trước khi tách Nhà máy giấy Hải phòng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Hapaco Phương Đông và Công ty Cổ phần H.P.P.

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hoá	60.763.896.138	194.997.385.636
	60.763.896.138	194.997.385.636

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	571.874.850	2.822.325.790
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.748.104.000	4.125.804.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.650.996.837	369.299.525
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	70.621.500	-
	4.041.597.187	7.317.429.315

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	3.043.151.291	3.996.568.654
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.083.143.716	383.858.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	248.867.900
Trích lập và hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(33.419.616.834)	79.165.564.968
Chi phí tài chính khác	-	9.235.415
	(29.293.321.827)	83.804.095.383

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 lập theo phương pháp trực tiếp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN). Tuy nhiên, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập theo phương pháp gián tiếp, số liệu so sánh năm 2008 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO lập ngày 24/02/2010.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2010

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc

Phạm Văn Phú

Vũ Dương Hiền